TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:03/2024/DS-ST
Ngày:26-01-2024
V/*v Tranh chấp đòi tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Thuỳ;

Ông Lê Văn Hùng.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thế Vinh -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Khổng Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2023/TLST-DS, ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST- DS ngày 15 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Bùi Minh T, sinh năm 1953; địa chỉ: Xóm E, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; có mặt.

-*Bị đơn*: Chị Trần Thị T1, sinh năm 1976 và anh Vũ Thế L; địa chỉ: Xóm A, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi Minh T trình bày:

Ông và vợ chồng chị Trần Thị T1 và anh Vũ Thế L là chỗ quen biết nhau. Chị T1 và anh L cần tiền làm ăn nên đã hỏi vay tiền của ông cụ thể:

Ngày 12/10/2010, ông có cho vợ chồng chị T1, anh L vay số tiền là 45.000.000đ với lãi suất là 1%/tháng hẹn sẽ trả luôn.

Ngày 25/10/2010, ông tiếp tục cho vợ chồng chị T1, anh L vay số vàng là 23 chỉ vàng 9999 và 15.000.000đ tiền mặt; vàng không lấy lãi. Thời hạn vay của số vàng là ngày 25/01/2011 chị T1, anh L phải trả. Về khoản tiền hai bên có thoả thuận lãi là 3%/tháng và thời hạn trả vào ngày 26/12/2010. Sau khi vay vợ chồng chị T1, anh L mới trả cho ông được tiền lãi là 750.000đ, còn lại chưa trả gốc và lãi. Theo như thoả thuận hết thời hạn vợ chồng chị T1, anh L không trả, mặc dù ông đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng chị T1, anh L cố tình không trả. Để đảm bảo quyền lợi cho ông, ông đề nghị Toà án buộc vợ chồng chị T1, anh L phải trả cho ông số vàng 23 chỉ vàng 9999 và số tiền gốc 60.000.000đ; ông không yêu cầu về lãi.

Sau khi Toà án thụ lý vụ án, Toà án đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án và các giấy báo cho vợ chồng chị T1, anh L biết, chị T1, anh L đã nhận thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy báo và một số giấy báo thì từ chối không nhận. Chị T1, anh L đều đã biết ông T khởi kiện đòi số vàng, tiền nhưng không đến Toà án để làm việc, không gửi ý kiến bằng văn bản của mình cho Toà án.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đều đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành theo quy định của pháp luật.

Nội dung: Căn cứ vào các Điều 116, Điều 166, Điều 280 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Minh T đối với chị Trần Thị T1, anh Vũ Thế L.

Buộc chị Trần Thị T1, anh Vũ Thế L có trách nhiệm trả cho ông Bùi Minh T số tiền gốc 60.000.000đ và 23 chỉ vàng 9999.

Chị Trần Thị T1 và anh Vũ Thế L còn phải chịu lãi số tiền chậm trả theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành theo quy đinh của pháp luật tiếp tục vắng mặt lần thứ hai nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 277 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng vắng đối với bị đơn.

[2] Để có cơ sở xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hay không HĐXX căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đánh giá như sau:

Theo đơn khởi kiện cũng như căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện là ngày 12/10/2010, ông Bùi Minh T cho vợ chồng chị T1, anh L vay số tiền là 45.000.000đ với lãi suất là 1%/tháng. Chị T1 là người ký nhận nợ.

Ngày 25/10/2010, ông T tiếp tục cho vợ chồng chị T1, anh L vay số vàng là 23 chỉ vàng 9999 và 15.000.000đ tiền mặt; vàng không lấy lãi. Thời hạn vay của số vàng là ngày 25/01/2011 chị T1, anh L phải trả. Về khoản tiền hai bên có thoả thuận lãi là 3%/tháng và thời hạn trả vào ngày 26/12/2010 . Thể hiện là biên bản đối chiếu công nợ ngày 25/12/2010 và biên bản đối chiếu công nợ tiền hàng (đều do vợ chồng chị T1, anh L ký).

Sau khi Toà án thụ lý vụ án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và các giấy báo cho vợ chồng chị T1, anh L, vợ chồng anh chị đã nhận nhưng không đến Toà án để làm việc, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Toà án về yêu cầu khởi kiện của ông T. Mặc dù vợ chồng chị T1, anh L không đến Toà án có nghĩa là không giải quyết được và coi như vợ chồng chị T1, anh L tự mình tước đi quyền của mình. Do vậy căn cứ vào tài liệu, chứng cứ là các giấy biên nhận tiền thể hiện ngày 12/10/2010; biên bản đối chiếu công nợ tiền hàng ngày 25/12/2010 mà chị T1, anh L ký nhận. Như vậy khi vợ chồng chị T1, anh L ký nhận giấy vay nợ với ông Bùi Minh T đều là tự nguyện là giao dịch dân sự giữa các bên đã tuân thủ theo quy định của pháp luật. Trong quá trình vay chị T1, anh L đã trả được 750.000đ tiền lãi cho ông T nhưng sau đó không trả được gốc và lãi như cam kết với ông T, mặc dù ông T đã đòi nhiều lần, có nghĩa là vợ chồng chị T1, anh L đã vị phạm về nghĩa vụ trả nợ theo như cam kết. Nay ông T yêu cầu chị T1, anh L phải trả số tiền gốc 60.000.000đ và 23 chỉ vàng 9999 không yêu cầu lãi. Xét thấy, ông T yêu cầu vợ chồng chị T1, anh L phải trả lại số tiền gốc và vàng nói trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu của ông T sẽ được HĐXX chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị Trần Thị T1, anh Vũ Thế L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Gía vàng tại thời điểm xét xử là 6.300.000đ/1c.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 116, Điều 166, Điều 280 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Minh T đối với chị Trần Thị T1, anh Vũ Thế L.

Buộc chị Trần Thị T1, anh Vũ Thế L có trách nhiệm trả cho ông Bùi Minh T số tiền gốc 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) và 23 chỉ vàng 9999.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền

người phải thi hành án chậm thi hành án phải chịu lãi suất hàng tháng theo mức lãi suất quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26; điểm d tiểu mục 1.3 mục II của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Trần Thị T1 và anh Vũ Thế L phải nộp số tiền 10.245.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; ông Bùi Minh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn; chị Trần Thị T1, anh Vũ Thế L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện
- Chi cục THADS huyện
- UBND xã
-UBND xã
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Phấn Vũ Xuân Thùy Phạm Ngọc Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Vũ Xuân Thùy Phạm Kim A	**Phạm Ngọc L1**